TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS-ST
Ngày: 13-02-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

Thư ký phiên toà: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 995/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K; địa chỉ: Số D, đường T, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:

Vào tháng 7 năm 2019 bà Nguyễn Thị Hồng H – Là chủ doanh nghiệp tư nhân K có huy động tiền gửi cá nhân, do có tiền nhàn rỗi nên ông có gửi cho bà H số tiền, cụ thể: Ngày 13/7/2019 ông gửi cho bà H số tiền 600.000.000 đồng và thỏa thuận nếu cần nhận tiền phải báo trước 30 ngày (có biên nhận kèm theo). Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2019 bà H không có khả năng thanh toán, ông đã nhiều lần yêu cầu bà H phải trả lại cho ông số tiền 600.000.000 đồng, nhưng bà H né tránh không trả cho ông.

Việc gửi tiền có thỏa thuận lãi suất 10%/năm, nhưng không lập văn bản. Sau khi gửi tiền, bà H trả cho ông được 02 tháng tiền lãi với số tiền 4.980.000 đồng/tháng rồi ngưng không thanh toán.

Theo đơn khởi kiện ông V yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K phải thanh toán cho ông V số tiền tạm tính là 968.520.000 đồng (trong đó nợ gốc 600.000.000 đồng; nợ lãi 368.520.000 đồng).

Qúa trình tố tụng ông V thay đổi, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, ông thay đổi không yêu cầu phải thanh toán tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy nhận tiền gửi ngày 13/7/2019; Căn cước công dân; thông báo yêu cầu trả nợ...

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025), nhưng bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Trần Văn V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K; địa chỉ: Số D, đường T, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh trả tiền gửi theo giấy nhận tiền gửi ngày 13/7/2019. Xét, đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản nên thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng trước đây xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản là không phù hợp nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ pháp luật cho phù hợp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng

cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025), nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025), đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[3] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông V yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K phải trả số tiền gửi 600.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy nhận tiền gửi ngày 13/7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy nhận tiền gửi ngày 13/7/2019 có nội dung thể hiện "…K; địa chỉ: 4, Trần Hưng Đ, p. Đ, D, BD, số tiền gửi: 600.000.000 VNĐ (Sáu trăm TRIỆU ĐỒNG". Khi bên gửi muốn nhận lại tiền phải báo trước 30 ngày…" và phía dưới có chữ ký đóng dấu xác nhận của bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K. Như vậy, theo giấy nhận tiền gửi này có căn cứ xác định ông V có gửi cho bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K số tiền 600.000.000 đồng và các bên thỏa thuận khi nào bên gửi muốn nhận lại tiền phải báo trước 30 ngày. Ngày 16/10/2025 ông V đã thực hiện nghĩa vụ gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả số tiền 600.000.000 đồng qua đường bưu điện và ngày 22/10/2025 bị đơn đã nhận được thông báo, nhưng đến nay bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ nên ông V khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gửi 600.000.000 đồng theo giấy gửi tiền ngày 13/7/2019 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn. Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tạm tính là 368.520.000 đồng, nhưng quá trình tố tụng nguyên đơn đã thay đổi không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[5] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K phải trả cho ông Trần Văn V số tiền 600.000.000 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025);

- Điều 554, Điều 555, Điều 556, Điều 557, Điều 559 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn V về việc Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K phải trả cho ông Trần Văn V số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Hồng H – Chủ doanh nghiệp tư nhân K phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết